TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/DS-ST
Ngày 12 – 7 – 2024
"V/v thực hiện nghĩa vụ dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Anh Minh

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các Đ sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N – sinh ngày 15/8/1961

Nơi cư trú: Số 142C, đường L, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958

Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1984

Cùng nơi cư trú: Ấp X, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Tại quyết định số 98/2012/QĐST-DS ngày 30/10/2012 của Tòa án nhân dân thành phố C, ông H đồng ý thanh toán cho ông N 139.000.000 đồng. Quá trình thi hành án, đến ngày 22/5/2023 ông H đã thanh toán cho ông được phần nợ gốc, đối với phần nợ lãi do chậm thi hành án tổng cộng là 80.000.000 đồng ông H chưa trả nên ông H và ông Đ (là con ông H) có lập văn bản cam kết sẽ thanh toán cho ông mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi thanh toán xong nên ông đồng ý, ngày 22/5/2023 Cơ quan thi hành án ra quyết định đình chỉ thi hành án. Sau khi cam kết, ông H đã thanh toán cho ông được 02 tháng bằng 4.000.000 đồng, còn lại số tiền 76.000.000 đồng đến nay chưa trả, vì vậy ông yêu cầu ông H và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông số tiền 76.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông xác định, khoản nợ trên của cá nhân ông H, nên ông yêu cầu ông H có trách nhiệm trả, không yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ liên đới cùng ông H trả nợ.

- Tại văn bản ghi ý kiến ông Nguyễn Văn H ngày 02/7/2024, ông H trình bày: Ông có nợ ông N theo quyết định số 98/2012/QĐST-DS ngày 30/10/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, đối với phần nợ gốc ông đã thi hành xong, còn nợ lãi bao nhiêu thì ông không nhớ. Đối với tờ cam kết ngày 22/5/2023 có chữ ký và viết Nguyễn Văn H là chữ viết chữ ký của ông, ông Đ chỉ là người chứng kiến. Nay ông N yêu cầu ông trả 76.000.000 đồng ông đồng ý, vì đây là trách nhiệm cá nhân ông, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông chưa trả cho ông N được. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Tại văn bản ghi ý kiến ông Nguyễn Minh Đ ngày 01/7/2024, ông Đ trình bày: Tờ cam kết ngày 22/5/2023 có chữ ký và viết Nguyễn Minh Đ là chữ viết chữ ký của ông, ông ký với tư cách là người chứng kiến, ông không liên quan trong vụ án, do đó không đồng ý liên đới cùng ông H trả nợ cho ông N. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông N khởi kiện yêu cầu ông H và ông Đ có nghĩa vụ trả 76.000.000 đồng tiền lãi chậm thi hành án của phần nợ gốc theo quyết định số 98/2012/QĐST-DS ngày 30/10/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Ông H thừa nhận còn nợ tiền lãi do chậm thi hành án cho ông N như ông N trình bày, nhưng đây là nợ riêng của ông nên ông đồng ý trả. Đối với ông Đ xác định số tiền ông N khởi kiện là nợ riêng của ông H nên không đồng ý liên đới cùng với ông H trả nợ. Căn cứ yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của các Đ sự, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các Đ sự là tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ dân sự.

[2] Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh Đ có ý kiến yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông H và ông Đ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Tại quyết định số 98/2012/QĐST-DS ngày 30/10/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về việc công nhận sự thỏa thuận của các Đ sự, theo đó có thể hiện nội dung: *"Ông Nguyễn Văn H thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho ông Nguyễn Văn N số tiền 139.312.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu ba trăm mười hai ngàn đồng). Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, ông H chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán."*

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án ông N trình bày, đến ngày 22/5/2023 ông H đã thanh toán xong cho ông N số tiền gốc theo quyết định số 98/2012/QĐST-DS

ngày 30/10/2012, đối với số tiền lãi tính đến ngày 22/5/2023 ông H có nghĩa vụ phải trả cho ông N là 80.000.000 đồng. Do ông H chưa có điều kiện trả số tiền 80.000.000 đồng nên ông H có lập "Tờ cam kết" đề ngày 22/5/2023 thể hiện nội dung thừa nhận còn nợ tiền lãi ông N 80.000.000 đồng, cam kết mỗi tháng trả cho ông N 2.000.000 đồng đến khi trả hết số tiền lãi và được ông N đồng ý rút yêu cầu thi hành án về lãi suất nên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau ra quyết định số 53/QĐ-CCTHADS ngày 22/5/2023 về việc đình chỉ thi hành án phần lãi suất chậm thi hành án. Tại văn bản ghi ý kiến ông Nguyễn Văn H ngày 02/7/2024, ông H cho rằng chữ ký và viết Nguyễn Văn H tại "Tờ cam kết" ngày 22/5/2023 là chữ viết chữ ký của ông, sau khi ông lập "Tờ cam kết" thì ông có trả tiền cho ông N nhưng không nhớ là trả được bao nhiêu. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, căn cứ nội dung "Tờ cam kết" cũng như lời trình bày của các Đ sự, có cơ sở kết luận sau khi lập "Tờ cam kết" ông H đã trả cho ông N được 4.000.000 đồng, còn lại 76.000.000 đồng ông H chưa trả cho ông N như nội dung đã cam kết.

[3.3] Tại phiên tòa ông N xác định số tiền ông H chưa trả cho ông là nợ cá nhân ông H, nên yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả mà không yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ liên đới. Xét yêu cầu của ông N là phù hợp với lời trình bày của ông H và ông Đ, vì vậy ông N yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả mà không yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ liên đới cùng ông H trả là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ông N không yêu cầu ông H trả lãi suất đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông N không phải chịu, ông N đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí. Ông H là người cao tuổi nên miễn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 274, 280 Bộ luật dân sự; Điều 288 Bộ luật tố tụn dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí, ông N đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Minh Đ vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Phạm Việt Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu;